

Số: /QĐ-ĐHSPHN2

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận các danh hiệu cá nhân và tập thể lớp sinh viên

Năm học 2022-2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

Căn cứ Quyết định số 128/CP ngày 14 tháng 8 năm 1967 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐHSP Hà Nội 2;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 930/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 22 tháng 8 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội 2 ban hành Quy định công tác sinh viên trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Biên bản tại cuộc họp cấp trường 25 tháng 10 năm 2023 về việc xét các danh hiệu cá nhân và tập thể lớp sinh viên, năm học 2022-2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Chính trị - HSSV.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận các danh hiệu cá nhân và tập thể lớp sinh viên, năm học 2022-2023 (có bảng tổng hợp và danh sách kèm theo).

Điều 2. Tặng giấy khen của Hiệu trưởng cho các tập thể lớp xuất sắc, tập thể lớp tiên tiến; Sinh viên xuất sắc, sinh viên giỏi cùng với mức thưởng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng các phòng: TC-HC, CTCT-HSSV, Đào tạo, Tài vụ; Trưởng các đơn vị đào tạo; Các tập thể lớp và cá nhân sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu TC-HC, CTCT-HSSV, Tài vụ [5].

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Trịnh Đình Vinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHSP HÀ NỘI 2

**BẢNG TỔNG HỢP
DANH HIỆU CÁ NHÂN VÀ TẬP THỂ LỚP SINH VIÊN, NĂM HỌC 2022-2023**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHSPHN2 ngày tháng 11 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội 2)

TT	Đơn vị	Khóa	Lớp	Danh hiệu cá nhân			Danh hiệu tập thể		
				Xuất sắc	Giỏi	Khá	Tiên tiến	Xuất sắc	Khen thưởng
1	Giáo dục Chính trị	K46	GDCD	2	5	4		1	1
		K47	A-GDCD		2	2			
			B-GDCD		1	4			
		K48	A-GDCD		1	13			
			B-GDCD			9			
Tổng toàn Khoa			5	2	9	32	0	1	1
2	Giáo dục Mầm non	K46	A	1	3	17			
			B	2	4	13			
			MN (Tiếng Anh)		4	6			
		K47	A			7			
			B			8			
			C			14			
			MN (Tiếng Anh)			6			
		K48	GDMN			2			
MN (Tiếng Anh)									
Tổng toàn Khoa			9	3	11	73	0	0	0
3	Giáo dục Thể chất	K46	GDTC		3	1	1		1
		K47	GDTC			5			
		K48	GDTC			2			
Tổng toàn Khoa			3	0	3	8	1	0	1
4	Hóa học	K46	SP Hóa học	1	2	7		1	1
		K47	A		1	2			
			B			5			
K48	SP Hóa học			2					
Tổng toàn Khoa			4	1	3	16	0	1	1

TT	Đơn vị	Khóa	Lớp	Danh hiệu cá nhân			Danh hiệu tập thể		
				Xuất sắc	Giỏi	Khá	Tiền tiến	Xuất sắc	Khen thưởng
5	Giáo dục Tiểu học	K46	A	1	5	27			
			B		5	29			
			C	1	3	26			
			D	3	5	27			
			E		3	24			
			G	1	7	27			
			H	1	5	33			
			K		8	23			
			M		7	28			
			P		2	33			
		K47	A1			31			
			A2		1	26			
			A3		1	21			
			A4			32			
			A5			30			
			A6			24			
			A7		2	27			
			A8		1	24			
			A9		1	25			
			A10		2	20			
			A11		1	17			
			A12		1	18			
		K48	GDTH			11			
Tổng toàn Khoa			23	7	60	583	0	0	0
6	Lịch sử	K46	SP Lịch sử	1	4	3			
		K47	A		1	22			
			B		1	21			
		K48	SP Lịch sử		1	4	1		1
Tổng toàn Khoa			4	1	7	50	1	0	1
7	Sinh - KTNN	K46	Sự phạm		3		1		1
		K47	Sự phạm			11			
		K48	Sự phạm			3			
Tổng toàn Khoa			3	0	3	14	1	0	1

TT	Đơn vị	Khóa	Lớp	Danh hiệu cá nhân			Danh hiệu tập thể		
				Xuất sắc	Giỏi	Khá	Tiền tiến	Xuất sắc	Khen thưởng
8	Ngữ văn	K46	A		2	25			
			B	1	4	21			
			C		3	22			
			D		3	22			
			E	2	5	5			
			Việt Nam học			2			
		K47	A			22			
			B			21			
			C		1	19			
			D			17			
			E			23			
			G			24			
			H			25			
			K		3	28			
		Việt Nam học		1	4				
		K48	SP			11			
		Tổng toàn Khoa			17	3	22	314	0
9	Toán	K46	A			2			
			B			3			
			C			3			
			D		1				
			E		1	3			
			A - Toán TA		3	2			
			B - Toán TA			1			
		K47	A		1	8			
			B			11			
			C		1	6			
			D			13			
			E			8			
			G		1	9			
			H			13			
			K			11			
			A - Toán TA		1	5			
			B - Toán TA		2	7	1		1
K48	SP Toán học			5					
	SP Toán học TA		1	4	1		1		
Tổng toàn Khoa			19	0	12	114	2	0	2

TT	Đơn vị	Khóa	Lớp	Danh hiệu cá nhân			Danh hiệu tập thể		
				Xuất sắc	Giỏi	Khá	Tiến tiến	Xuất sắc	Khen thưởng
10	Tiếng Anh	K46	A Ngôn ngữ Anh						
			B Ngôn ngữ Anh			1			
			A SP Tiếng Anh			1			
			B SP Tiếng Anh		3	7			
			C SP Tiếng Anh		2	2			
		K47	A Ngôn ngữ Anh						
			B Ngôn ngữ Anh			3			
			C Ngôn ngữ Anh			5			
			D Ngôn ngữ Anh			1			
			A SP Tiếng Anh	1		12			
			B SP Tiếng Anh		1	13			
			C SP Tiếng Anh			9			
			D SP Tiếng Anh		1	15			
			E SP Tiếng Anh		1	12			
		G SP Tiếng Anh		1	21				
		H SP Tiếng Anh		1	13				
		K48	Ngôn ngữ Anh		1	38			
			SP Tiếng Anh		3	25			
Tổng toàn Khoa			18	1	14	178	0	0	0
11	Tiếng Trung Quốc	K46	A Ngôn ngữ TQ	1	4	20			
			B Ngôn ngữ TQ		2	15			
			C Ngôn ngữ TQ	2	3	16	1		1
			D Ngôn ngữ TQ	2	4	23	1		1
		K47	A Ngôn ngữ TQ			16			
			B Ngôn ngữ TQ		2	16			
			C Ngôn ngữ TQ	1	3	11			
			D Ngôn ngữ TQ		3	15			
			E Ngôn ngữ TQ		3	15			
			G Ngôn ngữ TQ		1	15			
		K48	H Ngôn ngữ TQ		2	8			
			Ngôn ngữ TQ		1	24			
Tổng toàn Khoa			12	6	28	194	2	0	2

TT	Đơn vị	Khóa	Lớp	Danh hiệu cá nhân			Danh hiệu tập thể		
				Xuất sắc	Giỏi	Khá	Tiến tiến	Xuất sắc	Khen thưởng
12	Vật lý	K46	Sư phạm (TA)	2	6	4			
		K47	Sư phạm			20			
			Sư phạm (TA)		3	18			
		K48	Sư phạm(TA)		4	3	1		1
Tổng toàn Khoa			4	2	13	45	1	0	1
13	Công nghệ Thông tin	K46	CNTT			2			
			SP Tin học	1	5	2		1	1
		K47	CNTT			3			
			SP Tin học			3			
		K48	CNTT		1	7			
			A-SP Tin học			4			
	B-SP Tin học	1		2					
Tổng toàn Viện CNTT			7	2	6	23	0	1	1
14	TT GDQP&AN	K46	GDQP-AN			2			
		K47	GDQP-AN		2	6	1		1
Tổng toàn Trung tâm GDQP&AN			2	0	2	8	1	0	1

TỔNG TOÀN TRƯỜNG			130	28	193	1652	9	3	12
-------------------------	--	--	------------	-----------	------------	-------------	----------	----------	-----------

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHSP HÀ NỘI 2

**DANH SÁCH KHEN THƯỞNG
DANH HIỆU CÁ NHÂN VÀ TẬP THỂ LỚP SINH VIÊN, NĂM HỌC 2022-2023**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHSPHN2 ngày tháng 11 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội 2)

I. Danh hiệu tập thể lớp sinh viên

STT	Tên tập thể	Danh hiệu
1.	K46 ngành Giáo dục Công dân	Xuất sắc
2.	K46 ngành Sư phạm Hóa học	Xuất sắc
3.	K46 ngành Sư phạm Tin học	Xuất sắc
4.	K46 ngành Giáo dục Thể chất	Tiên tiến
5.	K48 ngành Sư phạm Lịch sử	Tiên tiến
6.	K46 ngành Sư phạm Sinh học	Tiên tiến
7.	K47B ngành Sư phạm Toán học (đạy học bằng Tiếng Anh)	Tiên tiến
8.	K48 ngành Sư phạm Toán học (đạy học bằng Tiếng Anh)	Tiên tiến
9.	K46C ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	Tiên tiến
10.	K46D ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	Tiên tiến
11.	K48 ngành Sư phạm Vật lý (đạy học bằng Tiếng Anh)	Tiên tiến
12.	K47 ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Tiên tiến

II. Danh hiệu cá nhân sinh viên

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Danh hiệu
KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ					
1.	207140204003	Ngô Thị Hạnh	03/01/2002	K46 Giáo dục Công dân	Xuất sắc
2.	207140204006	Trần Khánh Ly	02/09/2002	K46 Giáo dục Công dân	Xuất sắc
3.	207140204004	Lam Thị Liên	28/11/2002	K46 Giáo dục Công dân	Giỏi
4.	207140204005	Nguyễn Hương Linh	09/07/2002	K46 Giáo dục Công dân	Giỏi
5.	207140204014	Nguyễn Thị Thủy Linh	01/06/2002	K46 Giáo dục Công dân	Giỏi
6.	207140204007	Lê Thị Bình Minh	13/12/2002	K46 Giáo dục Công dân	Giỏi
7.	207140204008	Hoàng Thị Như Quỳnh	28/11/2002	K46 Giáo dục Công dân	Giỏi
8.	217140204108	Phạm Thị Nhàn	02/11/2001	K47A Giáo dục Công dân	Giỏi
9.	217140204059	Phạm Thị Nụ	29/10/2003	K47A Giáo dục Công dân	Giỏi
10.	217140204038	Lương Thị Thùy Linh	17/07/2003	K47B Giáo dục Công dân	Giỏi
11.	227140204001	Đỗ Diệu Anh	23/05/2004	K48A Giáo dục Công dân	Giỏi
KHOA GIÁO DỤC MẦM NON					

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Danh hiệu
12.	207140201029	Nguyễn Thị Hồng	21/03/2002	K46A Giáo dục Mầm non	Xuất sắc
13.	207140201054	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	13/09/2002	K46B Giáo dục Mầm non	Xuất sắc
14.	207140201044	Phan Mỹ Linh	23/11/2002	K46B Giáo dục Mầm non	Xuất sắc
15.	207140201042	Nguyễn Thùy Linh	06/11/2002	K46A Giáo dục Mầm non	Giỏi
16.	207140201062	Nguyễn Mai Phương	23/04/2002	K46A Giáo dục Mầm non	Giỏi
17.	207140201010	Lò Thị Ngọc Ánh	26/12/2002	K46A Giáo dục Mầm non	Giỏi
18.	207140201032	Nguyễn Thị Huế	03/01/2002	K46B Giáo dục Mầm non	Giỏi
19.	207140201020	Chu Thị Thu Hằng	15/05/2002	K46B Giáo dục Mầm non	Giỏi
20.	207140201071	Vũ Thị Thu Thanh	23/11/2002	K46B Giáo dục Mầm non	Giỏi
21.	207140201025	Phùng Thị Thanh Hiền	07/08/2002	K46B Giáo dục Mầm non	Giỏi
22.	207140201030	Thào Văn Hồng	11/05/2002	K46 Giáo dục Mầm non (TA)	Giỏi
23.	207140201070	Nguyễn Đặng Phương Thanh	02/10/2002	K46 Giáo dục Mầm non (TA)	Giỏi
24.	207140201049	Lò Thúy Mơ	31/08/2002	K46 Giáo dục Mầm non (TA)	Giỏi
25.	207140201019	Đình Thị Hạnh	26/09/2002	K46 Giáo dục Mầm non (TA)	Giỏi
KHOA GIÁO DỤC THỂ CHẤT					
26.	207140206002	Hoàng Thị Đông	06/07/2000	K46 Giáo dục Thể chất	Giỏi
27.	207140206010	Công Xuân Nghệ	13/05/2002	K46 Giáo dục Thể chất	Giỏi
28.	207140206009	Hoàng Thị Ngà	17/11/2001	K46 Giáo dục Thể chất	Giỏi
KHOA GIÁO DỤC TIỂU HỌC					
29.	207140202409	Vũ Thị Thu Phương	07/11/2002	K46A Giáo dục Tiểu học	Xuất sắc
30.	207140202268	Nguyễn Khánh Linh	27/01/2002	K46C Giáo dục Tiểu học	Xuất sắc
31.	207140202401	Nguyễn Lan Phương	22/02/2002	K46D Giáo dục Tiểu học	Xuất sắc
32.	207140202440	Nịnh Thị Thu Thành	15/08/2000	K46D Giáo dục Tiểu học	Xuất sắc
33.	207140202054	Trần Linh Chi	25/06/2002	K46D Giáo dục Tiểu học	Xuất sắc
34.	207140202153	Bùi Thu Hiền	08/10/2002	K46G Giáo dục Tiểu học	Xuất sắc
35.	207140202357	Lý Nữ Yến Nhi	23/07/2002	K46H Giáo dục Tiểu học	Xuất sắc
36.	207140202286	Phạm Thị Bích Loan	13/08/2002	K46A Giáo dục Tiểu học	Giỏi
37.	207140202353	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	16/08/2002	K46A Giáo dục Tiểu học	Giỏi
38.	207140202565	Đỗ Thị Hà Vi	08/12/2002	K46A Giáo dục Tiểu học	Giỏi
39.	207140202083	Nguyễn Thủy Dương	19/11/2000	K46A Giáo dục Tiểu học	Giỏi
40.	207140202262	Hà Thị Mỹ Linh	23/06/2001	K46A Giáo dục Tiểu học	Giỏi
41.	207140202113	Nguyễn Thị Thanh Hà	20/01/2002	K46B Giáo dục Tiểu học	Giỏi
42.	207140202344	Phạm Hoàng Ngọc	21/03/2002	K46B Giáo dục Tiểu học	Giỏi
43.	207140202159	Nguyễn Thị Hiền	22/11/2002	K46B Giáo dục Tiểu học	Giỏi
44.	207140202005	Dương Thị Tú Anh	28/08/2002	K46B Giáo dục Tiểu học	Giỏi
45.	207140202023	Nguyễn Phương Anh	28/03/2002	K46B Giáo dục Tiểu học	Giỏi
46.	207140202066	Vi Thị Diệp	24/11/2002	K46C Giáo dục Tiểu học	Giỏi
47.	207140202411	Phùng Thị Bích Phượng	28/06/2002	K46C Giáo dục Tiểu học	Giỏi
48.	207140202252	Doãn Thùy Linh	06/04/2002	K46C Giáo dục Tiểu học	Giỏi
49.	207140202158	Nguyễn Thị Hiền	15/12/2002	K46D Giáo dục Tiểu học	Giỏi

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Danh hiệu
50.	207140202276	Phạm Diệu Linh	09/06/2002	K46D Giáo dục Tiểu học	Giỏi
51.	207140202371	Nguyễn Cẩm Nhung	03/05/2002	K46D Giáo dục Tiểu học	Giỏi
52.	207140202231	Hoàng Thị Lan	01/06/2001	K46D Giáo dục Tiểu học	Giỏi
53.	207140202104	Đào Thu Hà	11/10/2002	K46D Giáo dục Tiểu học	Giỏi
54.	207140202040	Lê Thị Ngọc Ánh	13/02/2002	K46E Giáo dục Tiểu học	Giỏi
55.	207140202255	Đoàn Thùy Linh	22/09/2002	K46E Giáo dục Tiểu học	Giỏi
56.	207140202382	Chu Thị Oanh	24/10/2002	K46E Giáo dục Tiểu học	Giỏi
57.	207140202013	Hạ Phương Anh	21/05/2002	K46G Giáo dục Tiểu học	Giỏi
58.	207140202019	Mạc Thị Vân Anh	26/07/2002	K46G Giáo dục Tiểu học	Giỏi
59.	207140202082	Đỗ Thị Dương	23/11/2002	K46G Giáo dục Tiểu học	Giỏi
60.	207140202302	Nguyễn Thị Thanh Mai	09/01/2002	K46G Giáo dục Tiểu học	Giỏi
61.	207140202513	Bùi Vũ Thảo Trang	22/04/2002	K46G Giáo dục Tiểu học	Giỏi
62.	207140202424	Ngô Thị Sáp	27/08/2002	K46G Giáo dục Tiểu học	Giỏi
63.	207140202331	Chu Thị Ngân	21/09/2002	K46G Giáo dục Tiểu học	Giỏi
64.	207140202012	Hà Thị Phương Anh	04/10/2002	K46H Giáo dục Tiểu học	Giỏi
65.	207140202030	Phan Thị Vân Anh	20/10/2002	K46H Giáo dục Tiểu học	Giỏi
66.	207140202049	Bùi Phương Chi	25/01/2002	K46H Giáo dục Tiểu học	Giỏi
67.	207140202131	Đỗ Hồng Hạnh	04/12/2002	K46H Giáo dục Tiểu học	Giỏi
68.	207140202430	Nguyễn Thị Tâm	06/03/2001	K46H Giáo dục Tiểu học	Giỏi
69.	207140202304	Phí Thị Ngọc Mai	08/10/2002	K46K Giáo dục Tiểu học	Giỏi
70.	207140202366	Kim Thị Hồng Nhung	28/05/2002	K46K Giáo dục Tiểu học	Giỏi
71.	207140202393	Hoàng Thảo Phương	09/02/2002	K46K Giáo dục Tiểu học	Giỏi
72.	207140202427	Đặng Thị Thanh Tâm	24/04/2002	K46K Giáo dục Tiểu học	Giỏi
73.	207140202550	Nguyễn Thanh Tú	29/09/2002	K46K Giáo dục Tiểu học	Giỏi
74.	207140202471	Trần Hồng Thắm	08/12/2002	K46K Giáo dục Tiểu học	Giỏi
75.	207140202553	Đoàn Thị Mỹ Uyên	05/10/2002	K46K Giáo dục Tiểu học	Giỏi
76.	207140202551	Nguyễn Thị Cẩm Tú	03/10/2002	K46K Giáo dục Tiểu học	Giỏi
77.	207140202002	Võ Thúy An	04/05/2002	K46M Giáo dục Tiểu học	Giỏi
78.	207140202213	Nguyễn Thị Hương	11/11/2002	K46M Giáo dục Tiểu học	Giỏi
79.	207140202428	Nguyễn Hoàng Nhâm Tâm	27/04/2002	K46M Giáo dục Tiểu học	Giỏi
80.	207140202498	Vi Thị Xuân Thủy	15/01/2002	K46M Giáo dục Tiểu học	Giỏi
81.	207140202517	Đặng Thùy Trang	10/11/2002	K46M Giáo dục Tiểu học	Giỏi
82.	207140202468	Trần Thị Thảo	25/09/2001	K46M Giáo dục Tiểu học	Giỏi
83.	207140202015	Hoàng Phương Anh	08/11/2002	K46M Giáo dục Tiểu học	Giỏi
84.	207140202209	Vương Thị Thu Huyền	16/09/2002	K46P Giáo dục Tiểu học	Giỏi
85.	207140202273	Nguyễn Thùy Linh	06/09/2002	K46P Giáo dục Tiểu học	Giỏi
86.	217140202817	Nguyễn Phương Uyên	01/10/2003	K47A2 Giáo dục Tiểu học	Giỏi
87.	217140202681	Hà Thị Hương Thảo	11/11/2002	K47A3 Giáo dục Tiểu học	Giỏi
88.	217140202507	Phạm Nguyễn Ngọc Ngà	17/07/2003	K47A7 Giáo dục Tiểu học	Giỏi
89.	217140202039	Nguyễn Minh Anh	30/06/2001	K47A7 Giáo dục Tiểu học	Giỏi
90.	217140202008	Phạm Thị Huyền Anh	03/05/2003	K47A8 Giáo dục Tiểu học	Giỏi

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Danh hiệu
91.	217140202812	Mai Thị Tươi	24/02/2003	K47A9 Giáo dục Tiểu học	Giỏi
92.	217140202549	Trần Thị Hồng Ngọc	21/09/2003	K47A10 Giáo dục Tiểu học	Giỏi
93.	217140202819	Phạm Phương Uyên	17/07/2003	K47A10 Giáo dục Tiểu học	Giỏi
94.	217140202727	Hoàng Thị Thúy	01/01/2003	K47A11 Giáo dục Tiểu học	Giỏi
95.	217140202024	Đỗ Hải Anh	24/07/2003	K47A12 Giáo dục Tiểu học	Giỏi
KHOA HÓA HỌC					
96.	207140212022	Nguyễn Thị Thanh Trà	14/11/2002	K46 Sư phạm Hóa học	Xuất sắc
97.	207140212006	Nguyễn Thúy Hằng	15/02/2002	K46 Sư phạm Hóa học	Giỏi
98.	207140212008	Nguyễn Thu Huyền	23/09/2002	K46 Sư phạm Hóa học	Giỏi
99.	217140212089	Đoàn Bá Tráng	08/08/1996	K47A Sư phạm Hóa học	Giỏi
KHOA LỊCH SỬ					
100.	207140218019	Vũ Ngọc Thanh	25/04/2002	K46 Sư phạm Lịch sử	Xuất sắc
101.	207140218013	Bùi Thị Thanh Mai	03/10/2001	K46 Sư phạm Lịch sử	Giỏi
102.	207140218009	Lê Thu Hương	07/10/2002	K46 Sư phạm Lịch sử	Giỏi
103.	207140218024	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	27/10/2002	K46 Sư phạm Lịch sử	Giỏi
104.	207140218008	Phạm Thị Hảo	06/09/2002	K46 Sư phạm Lịch sử	Giỏi
105.	217140218012	Nguyễn Việt Anh	30/10/2003	K47A Sư phạm Lịch sử	Giỏi
106.	217140218050	Nguyễn Khánh Huyền	29/01/2003	K47B Sư phạm Lịch sử	Giỏi
107.	227140218004	Phạm Thị Lan Hương	30/01/2004	K48 Sư phạm Lịch sử	Giỏi
KHOA NGỮ VĂN					
108.	207140217148	Ngô Phương Thảo	03/04/2002	K46B Sư phạm Ngữ văn	Xuất sắc
109.	207140217208	Phạm Thị Quỳnh Trang	19/02/2002	K46E Sư phạm Ngữ văn	Xuất sắc
110.	207140217207	Nguyễn Thị Ngọc Hòa	07/11/2002	K46E Sư phạm Ngữ văn	Xuất sắc
111.	207140217097	Vũ Quang Linh	21/09/2002	K46A Sư phạm Ngữ văn	Giỏi
112.	207140217166	Trần Anh Thư	11/10/2002	K46A Sư phạm Ngữ văn	Giỏi
113.	207140217012	Nguyễn Ngọc Anh	18/12/2002	K46B Sư phạm Ngữ văn	Giỏi
114.	207140217034	Trịnh Thị Duyên	08/03/2002	K46B Sư phạm Ngữ văn	Giỏi
115.	207140217188	Trần Phương Uyên	15/05/2002	K46B Sư phạm Ngữ văn	Giỏi
116.	207140217076	Vũ Thị Thanh Huyền	01/10/2002	K46B Sư phạm Ngữ văn	Giỏi
117.	207140217052	Nguyễn Thanh Hằng	11/11/2002	K46C Sư phạm Ngữ văn	Giỏi
118.	207140217062	Nguyễn Thị Hồng	20/05/2002	K46C Sư phạm Ngữ văn	Giỏi
119.	207140217125	Nguyễn Thị Hồng Nhung	27/09/2002	K46C Sư phạm Ngữ văn	Giỏi
120.	207140217059	Bạch Thị Hoa	06/09/2002	K46D Sư phạm Ngữ văn	Giỏi
121.	207140217191	Lê Thị Hải Yến	05/11/2002	K46D Sư phạm Ngữ văn	Giỏi
122.	207140217107	Lê Thị Quỳnh Nga	13/03/2002	K46D Sư phạm Ngữ văn	Giỏi
123.	207140217205	Trần Thu Hiền	05/10/2002	K46E Sư phạm Ngữ văn	Giỏi
124.	207140217201	Đỗ Thị Hải Yến	17/06/2002	K46E Sư phạm Ngữ văn	Giỏi
125.	207140217216	Đỗ Thị Thu Phương	23/12/2002	K46E Sư phạm Ngữ văn	Giỏi
126.	207140217213	Nguyễn Thúy Ngân	08/01/2002	K46E Sư phạm Ngữ văn	Giỏi
127.	207140217206	Trần Thị Hoa	31/12/2002	K46E Sư phạm Ngữ văn	Giỏi

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Danh hiệu
128.	217140217003	Nguyễn Diệp Anh	04/07/2003	K47C Sư phạm Ngữ văn	Giỏi
129.	217140217130	Trần Văn Đạt	22/02/2003	K47K Sư phạm Ngữ văn	Giỏi
130.	217140217260	Nguyễn Lan Hương	18/12/2003	K47K Sư phạm Ngữ văn	Giỏi
131.	217140217131	Bùi Minh Đức	16/08/2003	K47K Sư phạm Ngữ văn	Giỏi
132.	217310630017	Nguyễn Thị Phương Anh	09/06/2001	K47 Việt Nam học	Giỏi
KHOA SINH-KTNN					
133.	207140213005	Nguyễn Thị Phương Thảo	19/02/2002	K46 Sư phạm Sinh học	Giỏi
134.	207140213001	Chu Thị Ngọc Ánh	08/03/2002	K46 Sư phạm Sinh học	Giỏi
135.	207140213002	Nguyễn Thị Ánh Dương	04/06/2002	K46 Sư phạm Sinh học	Giỏi
KHOA TOÁN					
136.	207140209135	Nguyễn Văn Mạnh	10/11/1995	K46D Sư phạm Toán học	Giỏi
137.	207140209038	Hoàng Hữu Dự	11/11/2002	K46E Sư phạm Toán học	Giỏi
138.	207140209217	Nguyễn Thị Hồng Thư	08/03/2002	K46A Sư phạm Toán học (TA)	Giỏi
139.	207140209173	Lại Văn Quý	22/04/2002	K46A Sư phạm Toán học (TA)	Giỏi
140.	207140209111	Đoàn Nhật Linh	27/05/2002	K46A Sư phạm Toán học (TA)	Giỏi
141.	217140209178	Kim Thị Thu Hà	02/04/2003	K47A Sư phạm Toán học	Giỏi
142.	217140209274	Nguyễn Ngọc Huyền	12/06/2003	K47C Sư phạm Toán học	Giỏi
143.	217140209125	Lê Bá Tư Duy	12/12/2003	K47G Sư phạm Toán học	Giỏi
144.	217140209015	Lê Hồng An	25/04/2003	K47A Sư phạm Toán học (TA)	Giỏi
145.	217140209720	Lưu Quang Vũ	31/08/2003	K47B Sư phạm Toán học (TA)	Giỏi
146.	217140209444	Phùng Bích Ngân	24/11/2003	K47B Sư phạm Toán học (TA)	Giỏi
147.	227140209004	Thiệu Ngọc Bảo	27/10/2004	K48 Sư phạm Toán học (TA)	Giỏi
KHOA TIẾNG ANH					
148.	217140231398	Nguyễn Phúc Sơn	01/06/2001	K47A Sư phạm Tiếng Anh	Xuất sắc
149.	207140231046	Trương Kiều Dung	11/09/2002	K46B Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi
150.	207140231154	Ngô Thị Thanh Nhài	16/11/2002	K46B Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi
151.	207140231153	Đình Xuân Nguyên	14/03/2002	K46B Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi
152.	207140231008	Lê Thị Như Anh	10/04/2002	K46C Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi
153.	207140231215	Đỗ Thị Anh Thư	21/06/2002	K46C Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi
154.	217140231423	Đặng Phương Thảo	30/07/2003	K47B Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi
155.	217140231063	Tạ Thị Ngọc Bích	11/11/2002	K47D Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi
156.	217140231240	Bùi Thủy Linh	28/03/2003	K47E Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi
157.	217140231075	Đỗ Yến Chi	14/12/2003	K47G Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi
158.	217140231046	Trần Quỳnh Anh	02/11/2003	K47H Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi
159.	227140231012	Vũ Nguyễn Ngọc Hà	24/03/2004	K48 Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi
160.	227140231026	Vũ Thị Hồng Mai	04/11/2004	K48 Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi
161.	227140231010	Dương Thu Hà	24/11/2004	K48 Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi
162.	227220201042	Nguyễn Hồng Trà My	19/12/2004	K48 Ngôn ngữ Anh	Giỏi
KHOA TIẾNG TRUNG QUỐC					
163.	207220204198	Mai Thế Tâm	03/12/2002	K46A Ngôn ngữ Trung Quốc	Xuất sắc

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Danh hiệu
164.	207220204015	Vũ Minh Anh	23/10/2002	K46C Ngôn ngữ Trung Quốc	Xuất sắc
165.	207220204139	Dương Thị Hương Ly	31/08/2002	K46C Ngôn ngữ Trung Quốc	Xuất sắc
166.	207220204100	Vù Thị Huệ	16/05/2002	K46D Ngôn ngữ Trung Quốc	Xuất sắc
167.	207220204082	Lương Thị Hoan	05/09/2002	K46D Ngôn ngữ Trung Quốc	Xuất sắc
168.	217220204146	Nguyễn Thị Thúy Hằng	07/02/2003	K47C Ngôn ngữ Trung Quốc	Xuất sắc
169.	207220204147	Lê Thị Quỳnh Mai	26/11/2002	K46A Ngôn ngữ Trung Quốc	Giỏi
170.	207220204262	Triệu Thị Tươi	20/06/2002	K46A Ngôn ngữ Trung Quốc	Giỏi
171.	207220204157	Trần Thị My	08/07/2002	K46A Ngôn ngữ Trung Quốc	Giỏi
172.	207220204047	Bùi Thị Gấm	01/01/2001	K46A Ngôn ngữ Trung Quốc	Giỏi
173.	207220204053	Nguyễn Thị Hà	15/03/2002	K46B Ngôn ngữ Trung Quốc	Giỏi
174.	207220204211	Nguyễn Phương Thảo	01/09/2002	K46B Ngôn ngữ Trung Quốc	Giỏi
175.	207220204090	Nguyễn Thị Hồng	25/02/2002	K46C Ngôn ngữ Trung Quốc	Giỏi
176.	207220204159	Nguyễn Thị Nga	04/03/2002	K46C Ngôn ngữ Trung Quốc	Giỏi
177.	207220204136	Bùi Thị Luyến	16/03/2002	K46C Ngôn ngữ Trung Quốc	Giỏi
178.	207220204001	Nguyễn Thị An	17/04/2002	K46D Ngôn ngữ Trung Quốc	Giỏi
179.	207220204063	Nghiêm Thanh Hằng	19/02/2001	K46D Ngôn ngữ Trung Quốc	Giỏi
180.	207220204214	Phùng Thị Phương Thảo	16/05/2002	K46D Ngôn ngữ Trung Quốc	Giỏi
181.	207220204124	Bùi Thị Mỹ Linh	20/08/2000	K46D Ngôn ngữ Trung Quốc	Giỏi
182.	217220204225	Nguyễn Thị Nguyệt Nga	15/11/2003	K47B Ngôn ngữ Trung Quốc	Giỏi
183.	217220204316	Phạm Anh Thơ	28/10/2003	K47B Ngôn ngữ Trung Quốc	Giỏi
184.	217220204183	Nguyễn Thị Thùy Linh	15/10/2003	K47C Ngôn ngữ Trung Quốc	Giỏi
185.	217220204387	Đỗ Hải Yến	13/09/2003	K47C Ngôn ngữ Trung Quốc	Giỏi
186.	217220204287	Lê Thị Quỳnh	22/12/2003	K47C Ngôn ngữ Trung Quốc	Giỏi
187.	217220204369	Đỗ Thanh Trúc	19/09/2003	K47D Ngôn ngữ Trung Quốc	Giỏi
188.	217220204037	Trần Ngọc Ánh	30/05/2003	K47D Ngôn ngữ Trung Quốc	Giỏi
189.	217220204322	Vũ Thị Thủy	12/02/2003	K47D Ngôn ngữ Trung Quốc	Giỏi
190.	217220204284	Trần Xuân Quyết	05/02/2003	K47E Ngôn ngữ Trung Quốc	Giỏi
191.	217220204217	Nguyễn Tường Minh	01/10/2003	K47E Ngôn ngữ Trung Quốc	Giỏi
192.	217220204138	Nguyễn Thị Hương	31/07/2003	K47E Ngôn ngữ Trung Quốc	Giỏi
193.	217220204012	Hoàng Trần Quỳnh Anh	22/11/2003	K47G Ngôn ngữ Trung Quốc	Giỏi
194.	217220204373	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	28/10/2003	K47H Ngôn ngữ Trung Quốc	Giỏi
195.	217220204346	Đặng Thùy Trang	21/08/2003	K47H Ngôn ngữ Trung Quốc	Giỏi
196.	227220204022	Nguyễn Thùy Linh	17/03/2004	K48 Ngôn ngữ Trung Quốc	Giỏi
KHOA VẬT LÝ					
197.	207140211001	Nguyễn Thị Lan Anh	27/09/2002	K46 Sư phạm Vật lý (TA)	Xuất sắc
198.	207140211007	Nguyễn Thùy Linh	05/04/2002	K46 Sư phạm Vật lý (TA)	Xuất sắc
199.	207140211002	Trần Thị Cúc	19/05/2002	K46 Sư phạm Vật lý (TA)	Giỏi
200.	207140211015	Nguyễn Ngọc Cẩm Tú	01/09/2002	K46 Sư phạm Vật lý (TA)	Giỏi
201.	207140211003	Lê Kim Dung	19/10/2002	K46 Sư phạm Vật lý (TA)	Giỏi
202.	207140211010	Lương Thị Quỳnh Phương	25/11/2002	K46 Sư phạm Vật lý (TA)	Giỏi
203.	207140211004	Đào Minh Đức	02/05/2002	K46 Sư phạm Vật lý (TA)	Giỏi

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Danh hiệu
204.	207140211008	Nguyễn An Ly	01/12/2002	K46 Sư phạm Vật lý (TA)	Giỏi
205.	217140211062	Ngô Văn Tuấn	23/06/2002	K47 Sư phạm Vật lý (TA)	Giỏi
206.	207140211006	Nguyễn Thị Hoa	02/03/2002	K47 Sư phạm Vật lý (TA)	Giỏi
207.	217140211021	Vũ Ngọc Khiếu	18/09/2003	K47 Sư phạm Vật lý (TA)	Giỏi
208.	227140211009	Phan Anh Tú	02/11/2003	K48 Sư phạm Vật lý (TA)	Giỏi
209.	227140211005	Trần Thị Bích Ngọc	09/09/2004	K48 Sư phạm Vật lý (TA)	Giỏi
210.	227140211003	Nguyễn Kim Khánh Linh	13/02/2004	K48 Sư phạm Vật lý (TA)	Giỏi
211.	227140211010\	Nguyễn Khánh Linh	13/06/2004	K48 Sư phạm Vật lý (TA)	Giỏi
VIỆN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN					
212.	207140210005	Đặng Thu Hương	16/01/2002	K46 Sư phạm Tin học	Xuất sắc
213.	227140210071	Dương Hữu Phước	03/10/2001	K48B Sư phạm Tin học	Xuất sắc
214.	207140210010	Lê Thị Lan Anh	05/08/2002	K46 Sư phạm Tin học	Giỏi
215.	207140210006	Bùi Khánh Linh	26/11/2002	K46 Sư phạm Tin học	Giỏi
216.	207140210002	Nguyễn Hữu Định	24/09/2002	K46 Sư phạm Tin học	Giỏi
217.	207140210001	Vũ Mai Anh	16/09/2002	K46 Sư phạm Tin học	Giỏi
218.	207140210009	Bùi Hương Giang	08/01/2002	K46 Sư phạm Tin học	Giỏi
219.	227480201049	Lê Đức Tiệp	10/03/2004	K48 Công nghệ Thông tin	Giỏi
TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG & AN NINH					
220.	217140208014	Lương Văn Quyết	26/4/2003	K47 Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Giỏi
221.	217140208010	Lò Văn Lâm	13/10/2002	K47 Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Giỏi

Án định danh sách có 12 tập thể và 221 sinh viên./. Trong đó:

- 03 tập thể lớp đạt danh hiệu Xuất sắc;***
- 09 tập thể lớp đạt danh hiệu Tiên tiến***
- 28 sinh viên đạt danh hiệu Xuất sắc;***
- 193 sinh viên đạt danh hiệu Giỏi.***